|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬTTHÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**KHOA KINH TẾ****BỘ MÔN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH****-------------------------** | **ĐỀ THI CUỐI KỲ HỌC KỲ II-NĂM HỌC 2016-2017****Môn: Kế toán tài chính A1**Mã môn học: FIAC340207Đề số/Mã đề: **01** Đề thi có 2 trang.Thời gian: **60 phút.**Không được phép sử dụng tài liệu *(Cho phép sử dụng hệ thống tài khoản theo thông tư 200/2014/TT-BTC).* |
|  |  |

**PHẦN LÝ THUYẾT:** *(1.6 điểm)*

*Cho một số giao dịch phát sinh vào* ***ngày 26/12/2016****, giải thích các giao dịch dưới đây vi phạm điều kiện nào của việc ghi nhận doanh thu*

1. Khi bán hàng, siêu thị điện máy A xuất cho khách hàng “Phiếu nhận tạm ứng” trên đó ghi rõ tiền hàng theo giá chưa thuế, thuế GTGT và tổng tiền thanh toán. Sau 5 ngày dùng thử, nếu khách hàng không đổi hoặc không trả lại hàng thì đến nhận hóa đơn GTGT.

2. Công ty B đã thu tiền hàng và đã xuất hóa đơn cho khách hàng nhưng chưa giao hàng cho khách hàng.

3. Công ty C đã giao hàng nhưng chưa xác định được giá nên chưa xuất hóa đơn để giao cho khách hàng.

4. Công ty D tiến hành xuất hàng và hóa đơn GTGT cho khách hàng nhưng khách hàng không đồng ý nhận hàng.

**PHẦN BÀI TẬP**: *(8.4 điểm)*

*Tại cty Thành Công tháng 11/2016 có các tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD sau:*

**1. Ngày 01:** Nhập kho 1.000 hàng hóa A với giá mua chưa có 10% thuế GTGT là 1.000.000đ/sp, chưa thanh toán cho người bán X. Theo điều khoản thanh toán, công ty Thành Công phải thanh toán cho công ty X trong thời gian 30 ngày, nếu thanh toán trong thời gian 5 ngày kể từ ngày mua được hưởng chiết khấu 2%, thanh toán trong thời gian 10 ngày được hưởng chiết khấu 1%.

**2. Ngày 05:** Mua 2.000 hàng hóa B với giá mua chưa có 10% thuế GTGT là 450.000đ/sp, chưa thanh toán cho người bán Y. Công ty Thành Công xuất bán thẳng cho khách hàng M 50% với giá bán chưa có 10% thuế GTGT là 560.000đ/sp, chưa thu tiền. Số còn lại gửi bán đại lý N.

**3. Ngày 08:** Chuyển khoản thanh toán cho người bán X được hưởng chiết khấu thanh toán

**4. Ngày 09:** Khách hàng M trả lại 150 hàng hóa B do không đúng mẫu mã trong hợp đồng. Công ty Thành Công tiến hành nhập kho lô hàng này.

**5. Ngày 10:** Mua một tài sản cố định hữu hình phải qua quá trình lắp đặt với giá mua chưa có 10% thuế GTGT là 360trđ, thanh toán cho người bán bằng TGNH. Giả sử sang ngày hôm sau, tài sản này được đưa vào sử dụng ở bộ phận quản lý, thời gian sử dụng ước tính là 2 năm.

**6. Ngày 15:** Đại lý N gửi bảng kê về số hàng bán ra. Công ty Thành Công xuất hóa đơn GTGT về số hàng xác định đã tiêu thụ. *Trong đó:*

 - Số lượng bán ra là 500 hàng hóa

 - Giá bán quy định là 580.000đ/sp (chưa có 10% thuế GTGT)

 - Nhận hóa đơn GTGT của đại lý về số hoa hồng đại lý là 2%/giá bán chưa thuế, thuế GTGT 10%, trừ vào công nợ.

**7. Ngày 17:** Đại lý N chuyển khoản thanh toán số tiền hàng còn lại.

**8. Ngày 20:** Thanh lý một tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết có nguyên giá 630trđ, thời gian sử dụng hữu ích là 3 năm với giá bán chưa có 10% thuế GTGT là 80trđ, thu bằng TGNH. Chi phí giao dịch là 1.000.000đ, thanh toán bằng tiền mặt.

**9. Ngày 23:** Công ty thực hiện chương trình khuyến mãi mua một hàng hóa A tặng một hàng hóa B. Trong kỳ, xuất bán cho khách hàng Z 150 hàng hóa A với giá bán chưa có 10% thuế GTGT là 1.600.000đ/sp, thu bằng TGNH.

**10. Cuối kỳ:** - Chuyển khoản thanh toán tiền lãi vay của tháng là 5.200.000đ

 - Khấu trừ trừ thuế GTGT đầu vào-đầu ra

 - Tính chi phí khấu hao TSCĐ trong tháng

 - Xác định kết quả hoạt động kinh doanh *(thuế suất thuế TNDN 20%)*

***YÊU CẦU: - Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.*** Biết DN tính giá xuất theo pp FIFO

*Ghi chú: Cán bộ coi thi không được giải thích đề thi.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra của học phần (về kiến thức)** | **Nội dung kiểm tra** |
| **[CĐR 2.2]**: Đánh giá các nghiệp vụ đủ điều kiện ghi nhận doanh thu và chi phí trên báo cáo tài chính, vận dụng các tài khoản có liên quan để ghi chép, sử dụng được sơ đồ tài khoản, cũng như trình bày và công bố thông tin trên báo cáo tài chính; | Phần lý thuyết |
| **[CĐR 4.1]**: Hình thành nhận thức về phát hiện vấn đề - thu thập thông tin – xử lý các tình huống kế toán. |
| **[CĐR 2.3]**: Giải thích được việc trình bày các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính | Phần bài tập |
| **[CĐR 4.3]**: Phản ánh được các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến tiền, tài sản cố định, công nợ, vốn chủ sở hữu và xác định kết quả kinh doanh phát sinh thực tế tại doanh nghiệp |

**Ngày tháng năm 2016**

**Thông qua bộ môn**

**ĐÁP ÁN PHẦN LÝ THUYẾT**

1. Chưa chuyển giao rủi ro và lợi ích liên quan đến tài sản cho người mua

2. Chưa chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá cho người mua

3. Doanh thu chưa xác định 1 cách đáng tin cậy

4. Chưa xác định lợi ích nhận được trong tương lai

**ĐÁP ÁN PHẦN BÀI TẬP**

**(1)** NỢ TK 156 1.000.000.000

 NỢ TK 133 100.000.000

 CÓ TK 331X 1.100.000.000

**(2)** NỢ TK 632 1.000\*450.000=450.000.000

 NỢ TK 157 1.000\*450.000=450.000.000

 NỢ TK 133 90.000.000

 CÓ TK 331Y 990.000.000

 NỢ TK 131M 616.000.000

 CÓ TK 511 1.000\*560.000=560.000.000

 CÓ TK 3331 56.000.000

**(3)** NỢ TK 331X 1.100.000.000

 CÓ TK 515 11.000.000

 CÓ TK 112 1.089.000.000

**(4)** NỢ TK 156 150\*450.000=67.500.000

 CÓ TK 632 67.500.000

 NỢ TK 521 150\*560.000=84.000.000

 NỢ TK 3331 8.400.000

 CÓ TK 131M 92.400.000

**(5)** NỢ TK 241 360.000.000

 NỢ TK 133 36.000.000

 CÓ TK 112 396.000.000

 NỢ TK 211/CÓ TK 241 360.000.000

**(6)** NỢ TK 632 500\*450.000= 225.000.000

 CÓ TK 157 225.000.000

 NỢ TK 131N 319.000.000

 CÓ TK 511 500\*580.000=290.000.000

 CÓ TK 3331 29.000.000

 NỢ TK 641 5.800.000

 NỢ TK 133 580.000

 CÓ TK 131N 6.380.000

**(7)** NỢ TK 131N 319.000.000-6.380.000=312.620.000

 CÓ TK 112 312.620.000

**(8)** NỢ TK 214 630.000.000

 CÓ TK 211 630.000.000

 NỢ TK 112 88.000.000

 CÓ TK 711 80.000.000

 CÓ TK 3331 8.000.000

 NỢ TK 811 1.000.000

 CÓ TK 111 1.000.000

**(9)** NỢ TK 632 150.000.000

 CÓ TK 156A 150\*1.000.000=150.000.000

 NỢ TK 632 150\*450.000=67.500.000

 CÓ TK 156B 67.500.000

 NỢ TK 131Z 264.000.000

 CÓ TK 511 150\*1.600.000=240.000.000

 CÓ TK 3331 24.000.000

 NỢ TK 133/CÓ TK 3331 6.750.000

**(10)**

- Thanh toán tiền lãi vay: NỢ TK 635 5.200.000

 CÓ TK 112 5.200.000

- Khấu trừ thuế GTGT đầu vào và đầu ra:

 + Tổng số thuế GTGT đầu vào phát sinh trong kỳ: 226.580.000

 + Tổng số thuế GTGT đầu ra phát sinh trong kỳ: 108.600.000

NỢ TK 3331/CÓ TK 133 108.600.000

- Tính khấu hao TSCĐ:

 NỢ TK 642/CÓ TK 214 (360\*20)/(2\*12\*30)=10.000.000

- Xác định kết quả kinh doanh:

 + Kết chuyển các khoản giảm trừ:

 NỢ TK 511/CÓ TK 521 84.000.000

 + Kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu nội bộ, thu nhập khác:

 NỢ TK 511 1.006.000.000

 NỢ TK 515 11.000.000

 NỢ TK 711 80.000.000

 CÓ TK 911 1.097.000.000

 + Kết chuyển chi phí:

 NỢ TK 911 847.000.000

 CÓ TK 632 825.000.000

 CÓ TK 635 5.200.000

 CÓ TK 641 5.800.000

 CÓ TK 642 10.000.000

 CÓ TK 811 1.000.000

 + Chi phí thuế TNDN phải nộp:

 NỢ TK 8211/CÓ TK 3334 20%\*250.000.000=50.000.000

 + Lãi sau thuế:

 NỢ TK 911 250.000.000

 CÓ TK 8211 50.000.000

 CÓ TK 421 200.000.000